

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143**/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-11-2021.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp và bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 229/2021/TLST- HNGĐ ngày 29/3/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 20, ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà C 63, ấp 2, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Y, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Thanh D về chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80/2007 ngày 25/5/2017. Hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong suốt thời gian chung sống vợ chồng anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, giữa vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân

từ tháng 11/2020 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T, trong quá trình giải quyết vụ án chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, nay chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thống nhất quá trình đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian ly thân như chị Y trình bày là đúng. A cũng xác định đời sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được, vợ chồng anh chị không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay chị Y yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Y.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Về hôn nhân: Áp dụng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh D.

Về con chung: Chị Y, anh D có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017. Chị Y yêu cầu được nuôi cháu T và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng; anh D cũng đồng ý với yêu cầu của chị Y. Nên đề nghị giao cháu T cho chị Y nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Y có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thanh D, địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị Y và bị đơn anh D vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh D tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80/2017 ngày 25/5/2017 theo đúng quy định tại các điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Y:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Y, anh D đều thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2020 đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị Y kiên quyết ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị Y.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y, anh D là có thật, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu ly hôn của chị Y là có cơ sở chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017 và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh D cũng đồng ý với yêu cầu của chị Y. Xét chị Y có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng cháu T, anh D có đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Y. Do vậy, HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là giao con chung cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở chấp nhận. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Theo Công văn số: 02/TANDTC-PC “V/v: Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử” ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao thì do trước khi mở phiên tòa xét xử, đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về cấp dưỡng nuôi con chung (nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và ra bản án sơ thẩm, trong trường hợp này các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Do đó, chị Y phải chịu 75.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho chị Y số tiền còn dư; anh D phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 8, 9, 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số: 02/TANDTC-PC “V/v: Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử” ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Thanh D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/7/2017. Anh D cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), trả lại cho chị Y số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005500 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Anh Nguyễn Thanh D phải nộp 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Thanh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

